

Số: /BC-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO**Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2025****DỰ THẢO 2**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024, Bộ Công Thương báo cáo kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước năm 2024, cụ thể như sau:

I. Kết quả rà soát, kiến nghị phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh năm 2025

1. Tổng số quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2024: **69/642 (đạt 10,75%)** quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý. Trong đó:

- Lĩnh vực quản lý cạnh tranh: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 01 điều kiện kinh doanh và 01 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực xuất nhập khẩu: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 19 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 01 điều kiện kinh doanh.
- Lĩnh vực điện lực: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 10 điều kiện kinh doanh.
- Lĩnh vực hóa chất: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 06 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 04 thủ tục hành chính.

- Lĩnh vực ô tô: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 08 điều kiện kinh doanh.
- Lĩnh vực kinh doanh xăng dầu: dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 02 điều kiện kinh doanh.
- Lĩnh vực công nghiệp nhẹ (rượu, thuốc lá): dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa 05 điều kiện kinh doanh, 12 thủ tục hành chính.

2. Tổng số văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Số VBQPPL: 22

+ Số Bộ luật: 0.

+ Số Luật: 03¹

+ Số Nghị định: 14²

+ Số Thông tư: 06³

¹ - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 ;

- Luật Điện lực số 28/2004/QH 11 ngày 03 tháng 12 năm 2004

² 1. Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 13/03/2018 về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;

2. Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 năm 2023 sửa đổi Nghị định 40/2018/NĐ-CP về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp, trong đó quy định hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

3. Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/05/2007 về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

4. Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương;

5. Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 sửa đổi Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

6. Nghị định 137/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 hướng dẫn Luật điện lực và Luật điện lực sửa đổi;

7. Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 về sửa đổi Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

8. Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 hướng dẫn Luật hóa chất;

9. Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/03/2024 quy định về thực hiện Công ước Cẩm phát triển, sản xuất, tang trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học;

10. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ;

11. Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 06 năm 2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá.

12. Nghị định số 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô;

13. Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 về kinh doanh xăng dầu;

14. Nghị định 105/2017/NĐ-CP ngày 14/09/2017 về kinh doanh rượu;

³ 1. Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam;

2. Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của nghị định thư montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

3. Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của nghị định thư montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

4. Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16/3/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của nghị định thư montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

5. Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/06/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật Quản lý ngoại thương

6. Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

7. Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 30/3/2011 của Bộ Công Thương tại Thông tư bãi bỏ các Thông tư của Bộ Công Thương.

(Chi tiết Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2025 kèm theo Báo cáo này)

II. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã thực thi trong giai đoạn từ năm 2020 đến đầu năm 2024

1. Kết quả cập nhật, công khai thông tin, dữ liệu quy định kinh doanh trong các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Bộ Công Thương đã cập nhật, công khai thông tin, dữ liệu quy định kinh doanh trong các văn bản QPPL, trong đó:

- Về số lượng yêu cầu, điều kiện: 196;
- Về số lượng thủ tục hành chính: 288;
- Về số lượng chế độ báo cáo: 86;
- Về số lượng kiểm tra chuyên ngành: 6;
- Về số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn: 75;

2. Tình hình biến động số quy định kinh doanh (QĐKD)

- Tổng số QĐKD có hiệu lực tính đến ngày 31/5/2020: 662
- Tổng số QĐKD được bãi bỏ: 20
- Tổng số QĐKD biến động giảm từ ngày 31/5/2020 đến nay: 20
- Tổng số QĐKD đang có hiệu lực thi hành: 642, cụ thể:
 - + Về số lượng yêu cầu, điều kiện: 1190;
 - + Về số lượng thủ tục hành chính: 285;
 - + Về số lượng chế độ báo cáo: 86;
 - + Về số lượng kiểm tra chuyên ngành: 6;
 - + Về số lượng tiêu chuẩn, quy chuẩn: 75;

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 3/2024, Bộ Công Thương đã cắt giảm, đơn giản hóa **20/662 (đạt 3,021%)** quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, gồm có:

- Điều kiện: Thông báo với Bộ Công Thương về việc thiết lập website thương mại điện tử bán hàng (trong trường hợp website không có chức năng đặt hàng trực tuyến)

- Điều kiện: Hoạt động đánh giá và chứng nhận chính sách bảo vệ thông tin các nhân trong thương mại điện tử.

- TTHC: Cấp phép hoạt động cho thương nhân tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử.

- 05 Điều kiện về tổng đại lý kinh doanh xăng dầu
- Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên) (1.001466)
- Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên) (1.001464)
- Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu (có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên) (1.001462)
- 03 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hóa chất mà Quyết định số 209/QĐ-TTg yêu cầu phải bãi bỏ (Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất DOC, DOC – PSF).
- 06 quy định yêu cầu về điều kiện đầu tư kinh doanh đối với hoạt động sản xuất hóa chất DOC, DOC – PSF.

III. Phương hướng nhiệm vụ trong thời gian tới

Tiếp tục tổ chức nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Công Thương và đề xuất đơn giản hóa, cắt giảm khi phát hiện những quy định không còn phù hợp hoặc khi có phản ánh, kiến nghị về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Công Thương.

Trên đây là báo cáo kết quả cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương năm 2025, Bộ Công Thương kính trình Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục KSTTHC - VPCP;
- Các Thứ trưởng;
- Các Vụ:....;
- Văn phòng Bộ;
- Các Cục:....;
- Lưu: VT, PC.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-BCT ngày / /2024)

Phần I

LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp (Mã TTHC: BCT-275295)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ thủ tục hành chính Thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp.

- Lý do: Theo quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2023/NĐ-CP), doanh nghiệp bán hàng đa cấp khi đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cần cung cấp danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp với các thông tin: Tên, chủng loại, xuất xứ, quy cách đóng gói, chế độ bảo hành (nếu có), giá bán và số điểm thưởng quy đổi tương ứng với giá bán, thời điểm áp dụng. Quá trình hoạt động, nếu có thay đổi thông tin nào trong danh mục hàng hóa, doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục thông báo thay đổi thông tin đến Bộ Công Thương.

Thủ tục này chủ yếu để cơ quan quản lý nắm bắt được doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm gì. Bộ Công Thương không phê duyệt hay cho phép doanh nghiệp được kinh doanh hay không được kinh doanh sản phẩm gì, không can thiệp đến giá bán sản phẩm, mà chỉ tiếp nhận để nắm bắt thông tin về hoạt động bán hàng của doanh nghiệp bán hàng đa cấp.

Do thời gian giải quyết hồ sơ là 15 ngày làm việc, doanh nghiệp cần xác định cụ thể ngày dự kiến áp dụng các thông tin mới (ví dụ bổ sung thêm sản phẩm vào danh mục). Trong trường hợp thông tin trong hồ sơ có nội dung không thống nhất hay không rõ ràng, doanh nghiệp sẽ phải sửa đổi bổ sung và điều chỉnh lùi ngày áp dụng danh mục mới. Điều này có thể gây ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là trong trường hợp đã ấn định ngày ra mắt các sản phẩm mới và thực hiện các hoạt động liên quan để ra mắt sản phẩm.

Việc cắt giảm thủ tục hành chính này sẽ tạo nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp: doanh nghiệp được chủ động hơn trong hoạt động kinh doanh và tiết kiệm được chi phí tài chính, nguồn nhân lực thực hiện thủ tục. Cơ quan quản lý cũng giảm được nguồn nhân lực thực hiện thủ tục.

Việc cắt giảm thủ tục này cũng không ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý vì có thể chuyển sang cơ chế yêu cầu doanh nghiệp tự công bố công khai danh mục hàng hóa để đảm bảo tính minh bạch

b) Kiến nghị thực thi

Để cắt giảm thủ tục này, cần điều chỉnh các quy định tại Nghị định số 40/2018/NĐ-CP theo hướng:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 theo hướng: Trong trường hợp có thay đổi thông tin tại danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp trước khi áp dụng;

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 12 “Trình tự, thủ tục thông báo thay đổi thông tin danh mục hàng hóa kinh doanh theo phương thức đa cấp”.

- Lộ trình: Thực hiện trong năm 2025-2026.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính: 326.000 đồng/ thủ tục, bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 70-80 thủ tục/năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này: 210.245 đồng* 70 thủ tục/năm = 14.717.150/năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 14.717.150/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100 %

2. Yêu cầu, điều kiện: Các điều kiện mới với nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động bán hàng đa cấp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định yêu cầu nhà đầu tư nước ngoài đang hoạt động bán hàng đa cấp (đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp trước khi Nghị định 18/2023/NĐ-CP được ban hành) phải chứng minh điều kiện kinh nghiệm 3 năm liên tiếp hoạt động bán hàng đa cấp khi gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

- Lý do: Nghị định số 18/2023/NĐ-CP đã bổ sung một số điều kiện đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài:

“h) Trong trường hợp tổ chức đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là doanh nghiệp có nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ sở hữu hoặc thành viên hoặc cổ đông, tất cả các nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đó phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới.”

Theo quy định này, doanh nghiệp đang hoạt động, đã có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp cũng phải đáp ứng điều kiện này khi thực hiện gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Các doanh nghiệp bán hàng đa cấp khi gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp thì đã hoạt động ở Việt Nam 05 năm (thời gian giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp là 05 năm), đương nhiên đáp ứng điều kiện “phải có thời gian hoạt động bán hàng đa cấp trong thực tế tối thiểu là 03 năm liên tục ở một nước, vùng lãnh thổ trên thế giới”. Tuy nhiên, khi thực hiện thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp, doanh nghiệp vẫn phải nộp các thành phần hồ sơ tài liệu để chứng minh điều kiện này. Đây là nội dung không cần thiết trong thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp. Do đó, cần loại bỏ quy định này để giảm chi phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp.

Việc không áp dụng điều kiện mới với nhà đầu tư hiện hữu cũng đảm bảo phù hợp với tinh thần của pháp luật về đầu tư trong việc bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư khi pháp luật thay đổi.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP.

- Lộ trình: Thực hiện trong năm 2025-2026.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 564.658/thủ tục

- Chi phí ước tính chuẩn bị giấy tờ tài liệu liên quan đến nội dung đề xuất cắt giảm (08h làm việc*30035đ/h làm việc) = 240.280 đ

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 324.378 đ/1 thủ tục.

- Chi phí tuân thủ tiết kiệm tạm tính giả định 10 thủ tục/năm: ...

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 240.280đ

- Chi phí tuân thủ tiết kiệm tạm tính giả định 10 thủ tục/năm: 2.402.800 đ/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: khoảng 42%.

Phần II

LĨNH VỰC XUẤT NHẬP KHẨU

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.000350)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Phân cấp TTHC cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt

Nam từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương điện tại Việt Nam từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương.

Lý do: Trên cơ sở thực hiện phân cấp các thủ tục/nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo Quyết định 1015/QĐ-TTg, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 9 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ tại Nghị định chung sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, Điều 12, 13 Thông tư số 28/2012/TT-BCT tại Thông tư chung sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Việc phân cấp về các địa phương sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoặc người được thương nhân nước ngoài ủy quyền trong thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi có trụ sở, tiết giảm chi phí, thời gian đi lại, gửi, nhận hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.914.090,14 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.769.328,44 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 144.761,73 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0,7%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005405)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Phân cấp TTHC cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương

- Lý do: Trên cơ sở thực hiện phân cấp các thủ tục/nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo Quyết định 1015/QĐ-TTg, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 12 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ tại Nghị định chung sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, Điều 12, 13 Thông tư số 28/2012/TT-BCT tại Thông tư chung sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.236.285,19 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.188.031,28 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 48.253,91 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2%

3. Thủ tục hành chính 3: Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (mã TTHC: 1.005406)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Phân cấp TTHC gia hạn giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương

Lý do: Trên cơ sở thực hiện phân cấp các thủ tục/nhóm thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu theo Quyết định 1015/QĐ-TTg, nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 6, Điều 13 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ tại Nghị định chung sửa đổi, bổ sung các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4, Điều 12, 13 Thông tư số 28/2012/TT-BCT tại Thông tư chung sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Việc phân cấp về các địa phương sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoặc người được thương nhân nước ngoài ủy quyền trong thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở, tiết giảm chi phí, thời gian đi lại, gửi, nhận hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.285.793,01 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.237.539,10 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 48.253,91 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ (Mã TTHC 1.000113)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ thủ tục cấp mã số nhà sản xuất (MID) hàng dệt may xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

- Lý do: Việc quy định cấp mã MID trước đây mang tính thời điểm, để hỗ

trợ doanh nghiệp xuất khẩu lần đầu sang Hoa Kỳ và cũng là nhằm thể hiện với phía Hoa Kỳ về việc tự kiểm soát các doanh nghiệp, chống gian lận thương mại, chống chuyển tải khi Hoa Kỳ đang áp dụng cơ chế giám sát ngặt nghèo chưa từng áp dụng với các nước xuất khẩu hàng dệt may trên thế giới xuất khẩu vào Hoa Kỳ. Hiện tại, cơ chế giám sát của Hoa Kỳ đã được bãi bỏ hơn 10 năm, việc xuất khẩu đang diễn ra bình thường, không cần thiết có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước trong việc cấp mã MID.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Thông tư số 16/2010/TT-BCT ngày 20 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc cấp Mã số nhà sản xuất hàng dệt may xuất khẩu (MID) sang Hoa Kỳ.

- Lộ trình: Đã đưa vào dự thảo Thông tư bãi bỏ các Thông tư của Bộ Công Thương (dự kiến ban hành trong năm 2024).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do các thương nhân không cần xin cấp Mã MID tại các Phòng QLXNK khu vực thuộc Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương trước khi thực hiện xuất khẩu dệt may (lần đầu) sang Hoa Kỳ.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 14.996.173 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.996.173 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh) (Mã TTHC: 1.003438)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định về cấp phép nhập khẩu các mặt hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng, an ninh (nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh)

- Lý do: Nghị định 69/2018/NĐ-CP quy định việc Bộ Công Thương cấp phép nhập khẩu một số hàng hóa có ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng trên cơ sở ý kiến chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Quy định này được thực hiện từ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP (được thay thế bởi Nghị định 69/2018/NĐ-CP), xuất phát từ việc thời điểm đó chưa có quy định quản lý một số mặt hàng thuộc diện có ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh nhưng không phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh như thiết bị bay không người lái, một số công cụ hỗ trợ như súng bắn dây, súng bắn sơn...). Đến khi ban hành Nghị định 69, do Luật công cụ hỗ trợ đã quy định cụ thể về việc nhập khẩu các loại súng này nên loại bỏ nhóm mặt hàng này khỏi Nghị định 69, tại Nghị định 69 chỉ còn việc cấp phép nhập khẩu đối với các loại xe bọc thép (không có gắn vũ khí chiến đấu) và phương tiện bay (không phục vụ hàng không dân dụng và không có gắn vũ khí chiến đấu)..

Theo quy định tại Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định 69/2018/NĐ-CP, việc quản lý nhập khẩu các mặt hàng cụ thể được phân công cho các Bộ quản lý chuyên ngành đối với mặt hàng đó. Việc Bộ Công Thương cấp phép đối với các mặt hàng thuộc quản lý của Bộ khác dẫn đến phát sinh thủ tục phải xin ý kiến các Bộ đó, trên cơ sở đó Bộ Công Thương thực hiện cấp phép.

Thực tế hiện nay, các phương tiện bay được quản lý theo quy định của pháp luật về hàng không, các phương tiện bay không người lái do Bộ Quốc phòng quản lý (Bộ Quốc phòng đang hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 36/2008/NĐ-CP); các loại ô tô thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Do vậy, đề nghị bãi bỏ quy định nêu trên tại Nghị định số 69. Các mặt hàng nêu trên thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ nào thì sẽ do bộ đó thực hiện quản lý/cấp phép và quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan theo đúng tinh thần của pháp luật quản lý ngoại thương.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Tỷ lệ cắt giảm là 100% do các thương nhân không phải xin Giấy phép tại Bộ Công Thương khi thực hiện nhập khẩu các mặt hàng này.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.072.346 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 29.072.346 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

6. Nhóm thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp Giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (Mã TTHC: 2.001189)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp trách nhiệm cấp giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo giấy phép từ Bộ Công Thương về Cục Xuất nhập khẩu.

Lý do: Phân cấp nhằm đơn giản hóa quy định liên quan đến gia công hàng hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa quy định tại Điều 38 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc

trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết sẽ giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ cấp phép của doanh nghiệp do giảm các bước thực hiện thủ tục hành chính

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.775.043 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.020.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 755.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

7. Nhóm thủ tục hành chính 7: Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép gia công hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép (Mã TTHC: 1.002853)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp TTHC sửa đổi, bổ sung/ cấp lại giấy phép gia công hàng hóa đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu theo giấy phép từ Bộ Công Thương về Cục Xuất nhập khẩu.

Lý do: Phân cấp nhằm đơn giản hóa quy định liên quan đến gia công hàng hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa quy định tại Điều 38 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết sẽ giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ cấp phép của doanh nghiệp do giảm các bước thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.775.043 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.020.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 755.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng thực phẩm đông lạnh (Mã TTHC: 1.004155)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại

quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

- Lý do: Theo quy định pháp luật hải quan, hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý theo dõi các doanh nghiệp thuộc loại hình này. Do đó bãi bỏ quy định về việc cấp Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan. Trường hợp Bộ Tài chính cần thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với loại hình đưa hàng từ nước ngoài vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất, đề nghị giao Bộ Tài chính quy định biện pháp quản lý tại pháp luật hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện hình thức hàng hóa gửi kho ngoại quan, tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do doanh nghiệp không phải xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.221.895,15 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 13.221.895,15 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa đã qua sử dụng (Mã TTHC: 2.001758)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

- Lý do: Theo quy định pháp luật hải quan, hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý theo dõi các doanh nghiệp thuộc loại hình này. Do đó bãi bỏ quy định về việc cấp Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan. Trường hợp Bộ Tài chính cần thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với loại hình đưa hàng từ nước ngoài vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất, đề nghị giao Bộ Tài chính quy định biện pháp quản lý tại pháp luật hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua

các tỉnh biên giới phía Bắc tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện hình thức hàng hóa gửi kho ngoại quan, tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do doanh nghiệp không phải xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.940.156,4 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.940.156,4 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất (Mã TTHC: 1.000551)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

- Lý do: Theo quy định pháp luật hải quan, hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý theo dõi các doanh nghiệp thuộc loại hình này. Do đó bãi bỏ quy định về việc cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan. Trường hợp Bộ Tài chính cần thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với loại hình đưa hàng từ nước ngoài vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất, đề nghị giao Bộ Tài chính quy định biện pháp quản lý tại pháp luật hải quan.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện hình thức hàng hóa gửi kho ngoại quan, tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do doanh nghiệp không phải xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.266.347,75 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.266.347,75 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

11. Thủ tục hành chính 11: Thủ tục cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa có thuế tiêu thụ đặc biệt (Mã TTHC: 1.004181)

- a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc.

- Lý do: Theo quy định pháp luật hải quan, hàng hóa gửi kho ngoại quan thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính là cơ quan quản lý theo dõi các doanh nghiệp thuộc loại hình này. Do đó bãi bỏ quy định về việc cấp Mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa gửi kho ngoại quan. Trường hợp Bộ Tài chính cần thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với loại hình đưa hàng từ nước ngoài vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất, đề nghị giao Bộ Tài chính quy định biện pháp quản lý tại pháp luật hải quan.

- b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP về việc quản lý hàng hóa nước ngoài gửi vào kho ngoại quan để xuất khẩu, tái xuất qua các tỉnh biên giới phía Bắc tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

- c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện hình thức hàng hóa gửi kho ngoại quan, tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do doanh nghiệp không phải xin cấp Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.940.156,4 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.940.156,4 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

12. Thủ tục hành chính 12: Thủ tục Cấp phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (Mã TTHC: 2.000288)

- a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ thủ tục Cấp phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn

Lý do: Theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị quyết số 50/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2023 ngày 08/4/2023. Theo đó, kể từ ngày 07/01/2022, việc nhập khẩu các chất HCFC thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP.

b) Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ toàn bộ 03 Thông tư, bao gồm:

- Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 quy định về việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

- Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

- Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16/3/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT- BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-zôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô - zôn

- Lộ trình: Đã đưa vào Dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành hoặc liên tịch ban hành (dự kiến ban hành trong năm 2024).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do thương nhân không phải xin cấp phép tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 32.907.201 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 32.907.201 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

13. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô (Mã TTHC: 1.000658)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung thêm 03 đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC gồm: Phòng QL XNK khu vực Bình Dương, Đồng Nai, Đà Nẵng (hiện nay đã phân cấp cho 02 Phòng QLXNK KV Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh)

Lý do: Được giao tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết bổ sung thêm 03 Phòng QL XNK khu vực sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bổ sung quy định về cấp Giấy chứng nhận quy trình Kimberly đối với kim cương thô vào Nghị định sửa đổi Nghị định số 69/2018/NĐ-CP, trong đó, bổ sung thêm 03 đơn vị cấp phép so với hiện tại.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Việc bổ sung đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp, tiết giảm chi phí, thời gian đi lại, gửi nộp hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.450.900 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.160.720 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 7.290.180 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

14. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001238)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung thêm 02 đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC gồm Phòng QL XNK khu vực Bình Dương và Đồng Nai (hiện nay đã phân cấp cho 03 Phòng QLXNK KV Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)

Lý do: Được giao tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết bổ sung thêm 02 Phòng QL XNK khu vực sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Thông tư sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 12/2018/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Việc bổ sung đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81.946.350 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 81.946.350 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

15. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu (Mã TTHC: 1.001104)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bổ sung thêm 02 đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC gồm Phòng QL XNK khu vực Bình Dương và Đồng Nai (hiện nay đã phân cấp cho 03 Phòng QLXNK KV Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh)

Lý do: Được giao tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ. Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết bổ sung thêm 02 Phòng QL XNK khu vực sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Thông tư sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 12/2018/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Việc bổ sung đơn vị được phân cấp giải quyết TTHC sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc có thêm nhiều lựa chọn cơ quan thực hiện TTHC phù hợp với điều kiện kinh doanh của doanh nghiệp

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 136.350 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 136.350 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

16. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật (Mã TTHC: 1.000477)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật từ Bộ Công Thương về Cục Xuất nhập khẩu.

- Lý do: Thực hiện theo quy định phân cấp tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa Điều 36 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP tại Nghị định chung sửa đổi một số Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Việc phân cấp thẩm quyền giải quyết sẽ giúp giảm thời gian xử lý hồ sơ cấp phép của doanh nghiệp do giảm các bước thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.241.347,75 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.241.347,75 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%

17. Thủ tục hành chính 17: Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan (Mã TTHC: 2.001296)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bãi bỏ nội dung xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành đối với đối tượng phân giao HNTQ nhập khẩu mặt hàng muối.

- Lý do: Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 12/2018/TT-BCT quy định đối tượng phân giao HNTQ nhập khẩu đối với mặt hàng muối là “Thương nhân có nhu cầu sử dụng muối cho sản xuất được cơ quan quản lý chuyên ngành xác nhận”. Mặc dù tinh thần khi xây dựng Thông tư, đây là quy định về đối tượng phân giao và được hiểu là sự trao đổi nội bộ giữa các Bộ, cơ quan nhà nước với nhau. Quy định này chưa rõ ràng về mặt pháp lý, có thể dẫn đến cách hiểu thương nhân phải xin xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành, tạo ra giấy phép con, gia tăng, thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 12/2018/TT-BCT tại Thông tư chung sửa đổi các Thông tư của Bộ Công Thương hoặc trong chương trình xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư số 12/2018/TT-BCT.

- Lộ trình: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Tạo sự minh bạch, tránh gây hiểu lầm cho thương nhân về việc thương nhân phải có xác nhận của cơ quan quản lý chuyên ngành khi nộp hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.329.700 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.329.700 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

18. Thủ tục hành chính 18: Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm phục vụ mục đích đặc dụng, bảo hành, phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, y tế, sản xuất dược phẩm, bảo vệ quốc phòng, an ninh (Mã TTHC: 2.001282)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung: Bãi bỏ quy định phải nộp “các giấy tờ liên quan khác theo quy định pháp luật” vì thực tế pháp luật quản lý ngoại thương không quy định về các giấy tờ liên quan khác trong trường hợp này. Quy định cụ thể thành phần hồ sơ và quy trình xem xét cho phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa đã có quyết định tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu nhằm minh bạch hóa, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục này.

- Lý do: Hồ sơ, quy trình cấp giấy phép xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc diện tạm ngừng xuất nhập khẩu được quy định chung tại Điều 9 Luật Quản lý ngoại thương. Theo đó có một số hồ sơ, giấy tờ không cần thiết đối với trường hợp này nhưng đang được quy định trong thành phần hồ sơ cấp phép. Do vậy, đề xuất xây dựng quy trình riêng cho trường hợp này để vừa tạo sự minh bạch, rõ ràng, vừa đơn giản hóa, lược bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa quy định tại Điều 9 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP trong chương trình xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa: Việc quy định thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện riêng cho trường hợp này vừa tạo sự minh bạch, rõ ràng, vừa đơn giản hóa, lược bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.878.450 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 563.535 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1,314,915 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 70%

19. Thủ tục hành chính 19: Thủ tục cấp phép xuất khẩu các chất HFC theo hạn ngạch (Mã TTHC: 1.008797)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ thủ tục cấp phép xuất khẩu các chất HFC theo hạn ngạch.

Lý do: Theo Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn và Nghị quyết số 50/NQ-CP về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3/2023 ngày 08/4/2023. Theo đó, kể từ ngày 01/01/2024, việc quản lý

xuất khẩu, nhập khẩu các chất HFC thực hiện theo quy định tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

b) Kiến nghị thực thi:

Bãi bỏ toàn bộ 03 Thông tư, bao gồm:

- Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 quy định về việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

- Thông tư số 51/2018/TT-BCT ngày 19/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

- Thông tư số 05/2020/TT-BCT ngày 16/3/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT- BCT-BTNMT ngày 30/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập - tái xuất các chất làm suy giảm tầng ô-zôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ô-zôn

- Lộ trình: Đã đưa vào Dự thảo Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành hoặc liên tịch ban hành (dự kiến ban hành trong năm 2024).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí là 100% do thương nhân không phải xin cấp phép tại Bộ Công Thương.

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.680.960 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 22.680.960 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Phần III

LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

I. Yêu cầu, điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện: Quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh (Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm mẫu số 01 quy định tại Thông tư số

13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

- Lý do: Để tích hợp chung Mẫu số 01 và Mẫu số 02 quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ khoản 3 Điều 1 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và đưa quy định về Mẫu xác nhận quy định tại Nghị định.

- Lộ trình: năm 2025-2026.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

Phần IV

LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC

I. Quy định về ngành nghề tư vấn chuyên ngành điện lực

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ ngành nghề tư vấn chuyên ngành điện lực

- Lý do: Hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng nói chung hiện nay đã được quy định tại Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật có liên quan đã đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng, bao gồm hoạt động tư vấn liên quan đến đầu tư xây dựng công trình công nghiệp mà trong đó bao gồm các công trình điện lực. Do đó, với việc quy định hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực (tư vấn thiết kế và tư vấn giám sát thi công công trình điện lực) là hoạt động đầu tư kinh doanh có điều kiện và phải cấp giấy phép hoạt động điện lực như hiện nay gây tình trạng chông chéo, không thống nhất trong áp dụng văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến khó khăn, bất cập trong thực tiễn thi hành.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ Phụ lục IV Luật Đầu tư 2020;

- Bãi bỏ nội dung “tư vấn chuyên ngành điện lực” tại khoản 1 Điều 38 Luật Điện lực 2004;

- Bãi bỏ một số Điều quy định tại Nghị định 137/2013/NĐ-CP và các điều khoản tại Nghị định sửa đổi Nghị định 137/2013/NĐ-CP (Nghị định 08/2018/NĐ-CP, Nghị định 17/2020/NĐ-CP) có liên quan đến tư vấn chuyên ngành điện lực (khoản 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP; bãi bỏ cụm từ “*tư vấn chuyên ngành điện lực*” điểm b khoản 19 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP)

- Lộ trình:

+ Đối với kiến nghị bãi bỏ quy định tại Nghị định: năm 2024-2025;

+ Đối với kiến nghị bãi bỏ quy định tại Luật Đầu tư: Theo tiến độ của dự án Luật sửa một số luật về đầu tư công, tài chính.

+ Đối với kiến nghị bãi bỏ nội dung quy định “tư vấn chuyên ngành điện lực” tại khoản 1 Điều 38 Luật Điện lực 2004: Theo tiến độ của dự án Luật Điện lực (sửa đổi)

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 320.250.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 320.250.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ quy định về hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực .

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy thủy điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy thủy điện

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 7,8 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 9 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy nhiệt điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình nhà máy nhiệt điện

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 10,11 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 12, 13 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

6. Yêu cầu, điều kiện 6: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 14, 15 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

7. Yêu cầu, điều kiện 7: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy điện gió, điện mặt trời

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 16 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

8. Yêu cầu, điều kiện 8: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 17 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

9. Yêu cầu, điều kiện 9: Điều kiện cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Bãi bỏ điều cấp giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, cắt giảm thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ quy định tại Khoản 18 Điều 3 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

- Lộ trình: Theo tiến độ của Luật Điện lực (sửa đổi)

PHẦN VI

LĨNH VỰC HÓA CHẤT

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh (Mã TTHC: 1.003980)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 255.680.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 255.680.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 (mã TTHC: 1.003820)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã TTHC: 1.003724).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 2, Bảng 3

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 (mã TTHC: 2.000431)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3 (mã TTHC: 2.000857)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, Bảng 3

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp (mã TTHC: 2.001550)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

PHẦN V**LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP**

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000998)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000998)

- Lý do: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương theo nội dung Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.302.373 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.182.223 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.120.150 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 64,2%

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000965)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm thủ tục hành chính Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

- Lý do: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ Công Thương về Sở Công Thương theo nội dung Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 18 Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ; sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử

dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

c) Lợi ích cắt giảm

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.964.595 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 844.445 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 2.120.150 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 71,5%

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 2.000578)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (mã TTHC: 1.000917)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm Cấp Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp

- Lý do: Do có sự thay đổi về nhóm các hóa chất cần quản lý theo dự án Luật Hóa chất (sửa đổi).

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các quy định về thủ tục liên quan đến hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh, hóa chất bảng, tiền chất công nghiệp, tiền chất thuốc nổ quy định tại Luật Hóa chất, Nghị định số 113/2017/NĐ-CP, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: theo tiến độ của Luật Hóa chất sửa đổi (dự kiến Luật Hóa chất sửa đổi có hiệu lực vào năm 2026).

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 31.698.540.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

PHẦN VI

LĨNH VỰC Ô TÔ

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Quy định về đối tượng áp dụng các điều kiện kinh doanh đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Loại trừ đối tượng áp dụng các điều kiện kinh doanh đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô “phục vụ mục đích xuất khẩu”.

+Lý do: Luật Giao thông đường bộ năm 2008 quy định ô tô lưu hành tại Việt Nam phải có tay lái bên trái. Do đó, các quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP phù hợp với ô tô được sản xuất, lắp ráp để lưu hành tại Việt Nam, đặc biệt là các dây chuyền, thiết bị kiểm tra chất lượng xuất xưởng (dành cho ô tô tay lái bên trái). Ngoài ra, ô tô sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu phải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước nhập khẩu. Do đó, yêu cầu về dây chuyền sản xuất có thể khác biệt so với các quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô để lưu hành tại Việt Nam, đặc biệt là trường hợp xe xuất khẩu có tay lái bên phải. Việc không áp dụng các điều kiện kinh doanh quy định tại Nghị định số 116/2017/NĐ-CP đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô phục vụ mục đích xuất khẩu là cần thiết và phù hợp với thực tiễn, đồng thời giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bổ sung gạch đầu dòng thứ 4 vào điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau: “-*Phục vụ mục đích xuất khẩu.*”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 5.500.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Quy định trình tự cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Việc kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô phải được lập thành biên bản theo Mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lý do: Chưa có quy định về Mẫu biên bản sử dụng trong quá trình kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp để xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô. Việc Đoàn kiểm tra sử dụng Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP để lập biên bản khi tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp khi xem xét, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP sẽ thuận tiện, minh bạch hóa cho công tác kiểm tra.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 8 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau:
“c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương thông báo cụ thể thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế tại doanh nghiệp. Thời hạn kiểm tra không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo. Các nội dung kiểm tra phải được lập thành Biên bản (Mẫu số 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này).”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 150.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 90.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 60.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Quy định về mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho các trường hợp cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Áp dụng chung 01 mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho các trường hợp cấp lần đầu, cấp đổi, cấp lại.

- Lý do: Chưa có quy định về mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô áp dụng cho các trường hợp cấp đổi, cấp lại. Việc quy định 01 mẫu Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô áp dụng chung cho các trường

hợp cấp lần đầu/cấp đổi/cấp lại sẽ tạo sự đơn giản hóa cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau:

“d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định hồ sơ và kiểm tra thực tế (nếu có) đạt yêu cầu, Bộ Công Thương xem xét cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp đổi Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

- Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 10 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau:

“c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương xem xét cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cho doanh nghiệp theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận, Bộ Công Thương trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 0 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0%.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Quy định về nội dung kiểm tra định kỳ/đột xuất đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung cắt giảm: Cắt giảm nội dung kiểm tra định kỳ/đột xuất đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô.

- Lý do: Cắt giảm nội dung kiểm tra định kỳ/đột xuất đối với doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ô tô để phù hợp với quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô cũng như chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau: *“3. Nội dung kiểm tra: Đánh giá việc duy trì hoạt động và các điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô của doanh nghiệp theo các nội dung đăng ký và đã được chứng nhận, gồm: Kiểm tra hồ sơ pháp lý, kiểm tra cơ sở vật chất phục vụ sản xuất, lắp ráp ô tô.”*

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 45.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 30.000.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,66%.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Quy định về yêu cầu về thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng đối với dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm quy định về yêu cầu về thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng đối với dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm.

- Lý do: Theo Danh mục các thiết bị tối thiểu cần thiết để kiểm tra chất lượng xuất xưởng ô tô quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BGTVT ngày 05/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp ô tô, thiết bị kiểm tra khí thải không áp dụng đối với các cơ sở sản xuất các loại ô tô chỉ chạy bằng nguồn năng lượng điện. Do đó, việc quy định dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm phải được trang bị thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng theo quy định là phù hợp.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Mục V Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau: *“1. Dây chuyền kiểm tra chất lượng sản phẩm phải được trang bị các thiết bị kiểm tra chuyên dùng theo từng công đoạn lắp ráp và thiết bị kiểm tra các chỉ tiêu xuất xưởng theo quy định”*.

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.000.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 250.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%.

6. Yêu cầu, điều kiện 6: Quy định về thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Bổ sung quy định về việc khi doanh nghiệp có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô và trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô, Bộ Công Thương ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận.

- Lý do: Chưa có quy định về việc doanh nghiệp trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô khi chấm dứt hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô. Trong trường hợp này, Bộ Công Thương phải ra Quyết định tạm dừng hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã cấp cho doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP và 06 tháng sau đó

sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP. Việc bổ sung quy định Bộ Công Thương ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô đã cấp khi doanh nghiệp có văn bản thông báo và trả lại Giấy chứng nhận sẽ tạo thuận lợi cho doanh nghiệp “chủ động” thực hiện thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

b) Kiến nghị thực thi

- Bổ sung điểm h khoản 2 Điều 12 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau:

“h) Doanh nghiệp có văn bản thông báo với Bộ Công Thương về việc chấm dứt hoạt động sản xuất, lắp ráp ô tô và trả lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô”.

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 150.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 50.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 100.0000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,66%.

7. Yêu cầu, điều kiện 7: Quy định về trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Giảm bớt các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô.

- Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô được cấp đổi trong trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin ghi trên Giấy chứng nhận. Trong quá trình hoạt động, doanh nghiệp có thể thường xuyên có những điều chỉnh về các thông tin được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như tên người đại diện theo pháp luật, thay đổi vốn điều lệ... dẫn đến việc số lần cấp và ngày cấp đổi của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cũng sẽ được thay đổi thường xuyên. Bên cạnh đó, số điện thoại, số fax cũng có thể được thay đổi do nhu cầu và thực tế của doanh nghiệp. Do đó, khi có sự thay đổi thông tin ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư như nêu trên, việc doanh nghiệp phải thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô là không cần thiết.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP như sau:

“1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô được cấp đổi trong trường hợp có sự thay đổi về thông tin sau:

- a) Tên, địa chỉ, loại hình doanh nghiệp;
- b) Địa điểm dự án sản xuất, lắp ráp ô tô;
- c) Cơ sở bảo hành, bảo dưỡng ô tô;
- d) *Chủng loại ô tô mà doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp.*”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.500.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.750.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 8.750.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83,33%.

8. Yêu cầu, điều kiện 8: Quy định về một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Thay thế các Mẫu số 01, 04, 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP bằng các mẫu đơn giản hóa.

- Lý do: Đơn giản hóa các Mẫu số 01, 04, 09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP để phù hợp với nội dung đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và các nội dung cắt giảm, đơn giản hóa nêu trên cũng như thực tế quản lý nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi

- Thay thế các Mẫu số 01,04,09 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.700.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.900.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 29,63%.

PHẦN VII

LĨNH VỰC KINH DOANH XĂNG DẦU

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Bỏ điều kiện “4. Có phương tiện vận tải xăng dầu nội địa thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.”

+Lý do: Trong quá trình kinh doanh xăng dầu, xăng dầu được vận chuyển từ kho, bồn, bể chứa của thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu tới cửa hàng bán lẻ xăng dầu, đây là hoạt động bình thường trong chuỗi cung ứng xăng dầu của thương nhân kinh doanh xăng dầu mà không cần thiết là điều kiện kinh doanh, do thương nhân có thể trực tiếp vận chuyển bằng phương tiện của mình sở hữu, phương tiện đi thuê hoặc thuê dịch vụ vận chuyển xăng dầu.

b) Kiến nghị thực thi

-Sửa đổi khoản 4 Điều 7. Điều kiện đối với thương nhân đầu mỗi kinh doanh xăng dầu Nghị định số 83/2014/NĐ-CP (Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu).

-Lộ trình: thực hiện sau khi dự thảo Nghị định về kinh doanh xăng dầu được ban hành.

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.884.000 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 5 thủ tục/ năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này : 1.884.000 đồng * 5 thủ tục/năm = 9.420.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.277.500 đồng

-Chi phí tiết kiệm tạm tính: 142.500/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1.51%

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Nội dung đơn giản hóa: Bỏ các điều kiện kinh doanh đối với thương nhân phân phối xăng dầu bao gồm: kho, bể chứa xăng dầu, phương tiện vận tải xăng dầu, phòng thử nghiệm xăng dầu.

+Lý do: Các nội dung về kho, bể chứa xăng dầu, phương tiện vận tải xăng dầu, phòng thử nghiệm xăng dầu đối với thương nhân phân phối xăng dầu, sau nhiều năm vận hành cho thấy không còn phù hợp với thực tế kinh doanh xăng dầu hiện nay. Do đó, việc cắt giảm điều kiện trên tại Dự thảo Nghị định là phù hợp với thực tế kinh doanh xăng dầu, giảm bớt thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

- Bãi bỏ các khoản 2, 3, 4 Điều 13 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP

“2. Có kho, bể dung tích tối thiểu hai nghìn mét khối (2.000 m³), thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

“3. Có phương tiện vận tải xăng dầu thuộc sở hữu của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng của thương nhân kinh doanh xăng dầu từ năm (05) năm trở lên.

“4. Có phòng thử nghiệm thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc đồng sở hữu hoặc có hợp đồng dịch vụ thuê cơ quan nhà nước có phòng thử nghiệm đủ năng lực kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng xăng dầu phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng.

(Các khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu).

- Lộ trình: Thực hiện sau khi dự thảo Nghị định về xăng dầu được ban hành

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.570.500 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 20 thủ tục/ năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này : 1.570.500 đồng * 20 thủ tục/năm = 31.950.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.485.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 1.710.000/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5,44%

PHẦN VIII

LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NHẸ (RƯỢU, THUỐC LÁ)

I. Yêu cầu, điều kiện đầu tư kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Quy định điều kiện cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Bỏ điều kiện “ địa điểm đặt cơ sở chế biến phải phù hợp Chiến lược sản xuất sản phẩm thuốc lá và vùng nguyên liệu thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

- Lý do: Hiện nay, Chiến lược sản xuất sản phẩm thuốc lá và vùng nguyên liệu thuốc lá đã bị bãi bỏ

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị: Bãi bỏ Khoản 6 Điều 12 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá được sửa đổi bởi Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ.

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.500.000 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Do thời hạn Giấy phép là 05 năm, vì vậy trung bình số lượt thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 03 thủ tục/năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này: 1.500.000 đồng * 3 thủ tục/năm = 4.500.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.350.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 150.000/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3%

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Quy định về điều kiện cấp lại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá trong trường hợp hết hạn và có nhu cầu tiếp tục hoạt động

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Sửa đổi điều kiện cấp lại Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá trong trường hợp hết hạn và có nhu cầu tiếp tục hoạt động.

- Lý do: việc quy định thời gian phải nộp hồ sơ là không cần thiết. Trong trường hợp Giấy phép hết hạn, doanh nghiệp không được sử dụng máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá:

“Trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá, Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá, Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực. Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp

tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.” thành:

“Trường hợp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá, Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh.”

- Lộ trình: Năm 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.600.000 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Do thời hạn Giấy phép là 05 năm, vì vậy trung bình số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 04 thủ tục/năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này : 1.600.000 đồng * 4 thủ tục/năm = 6.400.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.000.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 400.000/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,25%

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Về thành phần hồ sơ “Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu”.

- Lý do:

- Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật an toàn thực phẩm có quy định về tự công bố sản phẩm: **“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện tự công bố thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ chứa đựng thực phẩm, vật liệu bao gói tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm) trừ các sản phẩm quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 6 Nghị định này”**.

Tuy nhiên, khoản 3 Điều 20 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 16 Nghị định số 17/2020) quy định:

“Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (01 bộ) bao gồm:

...

3. Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực

phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); bản sao Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.”

Như vậy, có sự mâu thuẫn của 02 văn bản quy phạm pháp luật quy định về thành phần hồ sơ, gây khó khăn cho công chức tại một cửa trong việc tiếp nhận hồ sơ và tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

Đề nghị sửa đổi cụm từ "*Bản sao Bản công bố sản phẩm rượu*" tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP) thành cụm từ "*Bản sao tự công bố sản phẩm rượu*" tạo sự thống nhất, không chồng chéo giữa các văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện thủ tục hành chính.

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.645.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.576.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 69.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Quy định điều kiện đối với thương nhân phân phối rượu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Sửa đổi điều kiện đối với thương nhân phân phối rượu.

- Lý do: Việc sửa đổi như trên nhằm lược bỏ điều kiện đối với hợp đồng nguyên tắc, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tiết kiệm thời gian, chi phí và không bị ràng buộc bởi các điều khoản của hợp đồng khi phải ký giữa hai bên. Việc thực hiện hợp đồng chỉ có hiệu lực khi thương nhân được cấp giấy phép phân phối rượu. Bổ sung đối tượng là các thương nhân có giấy phép bán lẻ rượu nhằm đa dạng và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tổ chức hệ thống phân phối trên các địa bàn. Việc sửa đổi nêu trên không gây ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực phân phối rượu.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 4 Điều 11 Nghị định 105/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 16 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP

Sửa đổi "*Có hệ thống phân phối rượu trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (đã bao gồm địa bàn doanh nghiệp đặt trụ sở chính); tại mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải có ít nhất 01 thương nhân bán buôn rượu. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh*

hoặc địa điểm kinh doanh ngoài trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân bán buôn rượu” **thành:** “Có hệ thống phân phối rượu trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên (đã bao gồm địa bàn doanh nghiệp đặt trụ sở chính). Tại mỗi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ngoài địa bàn trụ sở chính) phải có ít nhất 01 thương nhân phân phối rượu hoặc 01 thương nhân bán buôn rượu hoặc 01 thương nhân bán lẻ rượu thuộc hệ thống phân phối của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có thành lập chi nhánh hoặc địa điểm kinh doanh tại địa bàn tỉnh, thành phố ngoài địa bàn đặt trụ sở chính để kinh doanh rượu thì không cần có xác nhận của thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu hoặc thương nhân bán lẻ rượu.”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.456.000 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 100 thủ tục/ năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này: 1.456.000 đồng * 100 thủ tục/năm = 145.600.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 139.776.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 5.824.000/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Quy định về thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

- Nội dung đơn giản hóa: Sửa đổi quy định về thành phần hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định 105/2017/NĐ-CP.

- Lý do: Việc sửa đổi như trên nhằm đa dạng loại hình thương nhân kinh doanh rượu tham gia hệ thống phân phối của doanh nghiệp, tạo thuận lợi, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trong quá trình xử lý thủ tục hành chính cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước đối với mặt hàng rượu.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định 105/2017/NĐ-CP

Sửa đổi “a) Bản sao Hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán buôn rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu.” **thành:** “a) Bản sao Hợp đồng nguyên tắc hoặc Thư xác nhận hoặc Bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép phân phối rượu hoặc Giấy phép bán buôn

rượu hoặc Giấy phép bán lẻ rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu.”

- Lộ trình: 2025

c) Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính này đối với một lượt thực hiện thủ tục hành chính hiện tại: 1.456.000 đồng/thủ tục bao gồm chi phí về nhân công chuẩn bị hồ sơ, in ấn hồ sơ, gửi hồ sơ, nhận hồ sơ. Số lượng thủ tục được thực hiện trong các năm gần đây vào khoảng 100 thủ tục/ năm.

Vậy tổng chi phí tuân thủ đối với 1 năm thực hiện thủ tục này: 1.456.000 đồng * 100 thủ tục/năm = 145.600.000 năm

- Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 139.776.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm tạm tính: 5.824.000/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%

II. Thủ tục hành chính:

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1.000981)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (Mã TTHC: 1.000911)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC:1.004021)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: 2025

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.004007)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: 2025

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô từ 3 triệu lít/năm trở lên) (Mã TTHC: 1.003992)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về kinh doanh rượu.

- Lộ trình thực hiện: 2025

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (Mã TTHC: 1.003041)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 3, khoản 4 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; khoản 5 Điều 13 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 10 kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (mã TTHC: 1.000646)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 3, khoản 4 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; khoản 5 Điều 13 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 10 kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp ô tô (mã TTHC: 2.001651)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Công nghiệp thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi:

+ Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 3, khoản 4 Điều 9; khoản 2 Điều 10; khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 12; khoản 5 Điều 13 Nghị định số 116/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2020/NĐ-CP);

+ Sửa đổi, bổ sung các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 10 kèm theo Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

- Lộ trình thực hiện: 2025

9. Thủ tục hành chính 9: Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu (Mã TTHC: 1.000949)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025

10. Thủ tục hành chính 10: Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025

11. Thủ tục hành chính 11: Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá (Mã TTHC: 1.000172)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025

12. Thủ tục hành chính 12: Nhập khẩu sản phẩm thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại. (Mã TTHC: B-BCT-261986-TT)

- Nội dung phân cấp: Phân cấp thẩm quyền giải quyết TTHC từ Bộ trưởng Bộ Công Thương về Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công Thương.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 21 Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá.

- Lộ trình thực hiện: 2025